

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H.T  
TỈNH T.N**

Số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H.T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thúy Hằng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Thành Ngọc**

2. Ông **Trần Thế Phong**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 849/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **K.T.S.R**, sinh năm 1985 – vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp C.X, xã N.L, huyện D.H, tỉnh T.V.

**- Bị đơn:** Anh **V.V.T**, sinh năm 1985 – vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Số nhà 55/9 ấp T.A, xã T.T, thị xã H.T, tỉnh T.N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2019, quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn chị K.T.S.R trình bày:**

Chị và anh V.V.T chung sống với nhau từ năm 2005, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do **anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập chị nên anh chị không còn sống chung tính đến nay đã hơn 01 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị SaRô yêu cầu ly hôn với anh T.**

Về con chung: Có 01 người tên V.H.A, sinh ngày 21/8/2006 hiện đang sinh sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi V.H.A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T phát biểu ý kiến:

***1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:***

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:***

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị K.T.S.R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh V.V.T đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S.R, anh T là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***3/Về nội dung:***

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị K.T.S.R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh V.V.T đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S.R, anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị K.T.S.R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.V.T. Anh T hiện cư trú tại 55/9 ấp T.A, xã T.T, thị xã H.T, tỉnh T.N. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của chị S.R thấy rằng:* Chị S.R và anh T chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị S.R cho rằng vợ

chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh T uống rượu đánh đập chị, anh chị không còn sống chung, đã ly thân hơn 01 năm. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, anh chị không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy anh T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và không có đưa ra chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của chị S.R nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.R là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Xét yêu cầu nuôi con của chị S.R thấy rằng:* Hiện V.H.A, sinh ngày 21/8/2006 đang sinh sống ổn định với chị S.R và tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2020 cháu V.H.A có nguyện vọng được sống chung với chị S.R nên giao V.H.A cho chị S.R tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S.R không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị S.R trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị S.R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.T.S.R đối với anh V.V.T.**

Chị K.T.S.R được ly hôn với anh V.V.T.

Về con chung: Giao cho chị S.R tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục V.H.A, sinh ngày 21/8/2006.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị S.R không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Nợ chung: Chị S.R trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

**2. Về án phí:** Chị S.R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S.R đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0008218** ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T (nay là thị xã H.T), tỉnh T.N. Ghi nhận chị S.R đã nộp xong.

**3. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

**Dương Thúy Hằng**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T.N.
- VKSND thị xã Hoà Thành.
- THADS thị xã Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.